

Số: 30/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Bồ Đào Nha
của Trường Đại học Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXVI của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXVI;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Bồ Đào Nha của Trường Đại học Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXVI ngày 02-03/3/2024 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Bồ Đào Nha (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 45 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 90%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Hà Nội và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Bồ Đào Nha của Trường Đại học Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Toàn

TR
KI
CH
/G
/A

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ BỒ ĐÀO NHA CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
(Kèm theo Nghị quyết số: 30/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1		4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 7		4.00	5	100%
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4.00	3	100%	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chuẩn 3		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.2	4	
Tiêu chí 3.1	4	Tiêu chí 8.3	4						
Tiêu chí 3.2	3	Tiêu chí 8.4	4						
Tiêu chí 3.3	4	Tiêu chí 8.5	5						
Tiêu chuẩn 4		4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 9		4.40	5	100%
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	5			
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 9.3	5						
Tiêu chuẩn 5		4.20	5	100%	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.2	5				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.3	4				Tiêu chí 10.2	3			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chuẩn 6		3.71	5	71.43%	Tiêu chí 10.4	4	
Tiêu chí 6.1	3	Tiêu chí 10.5	4						
Tiêu chí 6.2	4	Tiêu chí 10.6	4						
Tiêu chí 6.3	4	Tiêu chuẩn 11							
Tiêu chí 6.4	4	Tiêu chí 11.1	4						
Tiêu chí 6.5	4	Tiêu chí 11.2	4						
Tiêu chí 6.6	4	Tiêu chí 11.3	4						
Tiêu chí 6.7	3	Tiêu chí 11.4	3						
					Tiêu chí 11.5	4	3.80	4	80%
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
		45			90%				

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ BỒ ĐÀO NHA CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
(Kèm theo Nghị quyết số: 30/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Bồ Đào Nha (CTĐT) của Trường Đại học Hà Nội đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019-2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần có đầy đủ các thông tin cốt lõi, được cập nhật và phổ biến đến các bên liên quan. Chương trình dạy học được thiết kế bám sát chuẩn đầu ra; các khối kiến thức được phân bổ hợp lý, cân đối. Triết lý giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng; tổ hợp các phương pháp dạy-học đa dạng; các hoạt động rèn luyện kỹ năng cho người học được chú trọng. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được quy định, hướng dẫn cụ thể; phương pháp kiểm tra đánh giá được thực hiện khá đa dạng; kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời giúp người học cải thiện việc học tập. Chiến lược phát triển và quy hoạch nguồn nhân lực đến 2025 được quan tâm; giảng viên cơ hữu thực hiện CTĐT có tuổi đời bình quân trẻ, nhiệt huyết. Chính sách, phương thức tuyển sinh khá linh hoạt. Việc giám sát tiến độ học tập của người học; các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ được tổ chức có hiệu quả. Cảnh quan, môi trường xanh, sạch đẹp; môi trường sư phạm lành mạnh; môi trường tâm lý, xã hội thân thiện. Cơ sở vật chất đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học; thư viện được quan tâm đầu tư, nguồn tài liệu được bổ sung, cập nhật thường xuyên; chuyển đổi số và công nghệ thông tin được ứng dụng trong quản lý và hoạt động chuyên môn. Chương trình dạy học được định kỳ rà soát, điều chỉnh; thông tin phản hồi từ các bên liên quan được thu thập và sử dụng để cải tiến; mức độ phù hợp, tương thích với chuẩn đầu ra học phần và kết quả bài thi bước đầu được đánh giá phục vụ trực tiếp cho cải tiến các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá. Các tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ có việc làm và ý kiến các bên được theo dõi, giám sát để có giải pháp cải tiến; sinh viên tốt nghiệp được các nhà sử dụng lao động đánh giá cao về tác phong, thái độ làm việc.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Tăng cường khảo sát lấy ý kiến của đa dạng các bên liên quan, nhất là các tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp để rà soát, cập nhật mục tiêu của CTĐT thể hiện được định hướng đào tạo, phù hợp hơn với giá trị cốt lõi của Nhà trường về sáng tạo, phản biện. Diễn đạt, sắp xếp các chuẩn đầu ra một cách logic, chuẩn xác hơn đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam về khả năng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; phân tách thể hiện rõ chuẩn đầu ra theo từng định hướng chuyên ngành mà CTĐT đã xác định để tăng mức độ khả thi.

2. Tiếp tục rà soát, cập nhật thông tin Bản mô tả CTĐT, bổ sung tóm tắt các học phần khối giáo dục đại cương; cân nhắc có phiên bản bằng ngôn ngữ tiếng Bồ Đào Nha để giới thiệu đến các bên liên quan và tăng hiệu quả truyền thông về CTĐT. Rà soát, hoàn thiện đề cương các học phần, xây dựng và bổ sung bảng ma trận thể hiện sự kết nối giữa chuẩn đầu ra CTĐT với chuẩn đầu ra học phần; bổ sung, điều chỉnh nội dung học phần đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra; xác định cụ thể mức độ tương thích của các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra.

3. Tăng cường tham khảo các CTĐT tiên tiến và lấy ý kiến các bên liên quan để tiếp tục rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học, xác định chuẩn xác mức độ đóng góp của học phần vào đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát, bổ sung các nội dung kiến thức phù hợp trong các học phần; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin nâng cao và năng lực số; khuyến khích đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp. Thiết kế bổ sung các học phần tự chọn phù hợp các vị trí việc làm như trợ lý dự án, văn phòng, xuất nhập khẩu.... Nghiên cứu giải pháp khả thi hỗ trợ đào tạo song bằng, ngành chính-phụ để đa dạng các lựa chọn cho người học.

4. Xây dựng hướng dẫn và có kế hoạch hành động để chuyển hóa triết lý giáo dục của Nhà trường vào CTĐT. Định kỳ đánh giá hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học để tiếp tục cải tiến, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống LMS; tăng cường các phương pháp giảng dạy tiên tiến, dạy - học kết hợp; khuyến khích, hỗ trợ sinh viên làm khoá luận tốt nghiệp, nghiên cứu khoa học và tăng cơ hội thực tập, thực tế, thực hành.

5. Tiếp tục rà soát, cập nhật các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với chuẩn đầu ra; xây dựng lộ trình đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy định. Đa dạng các hình thức đánh giá, tăng cường các hình thức đánh giá thực và tích hợp, chú trọng đánh giá của doanh nghiệp trong các học phần thực tập, phiên dịch. Sớm hoàn thiện ngân hàng đề thi, các rubrics đánh giá phù hợp với từng loại hình. Nghiên cứu áp dụng các phần mềm chuyên dụng để đánh giá được độ giá trị, độ tin cậy của các phương pháp kiểm tra đánh giá và đảm bảo đo lường được các chuẩn đầu ra.

6. Có chính sách, cơ chế đột phá để phát triển giảng viên trẻ kế cận; tăng số giảng viên có trình độ cao và chuyên gia đầu ngành cho CTĐT. Có quy định, hướng dẫn về phân công và đánh giá thực hiện nhiệm vụ phục vụ cộng đồng. Thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo của từng giảng viên theo yêu cầu năng lực và mức năng lực cần có theo vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động bồi dưỡng hiệu quả. Có chính sách, cơ chế đặc thù để thúc đẩy nghiên cứu khoa học thông qua đề tài các cấp, các công bố khoa học và các nghiên cứu liên ngành, ứng dụng trong giảng dạy ngôn ngữ gắn với công nghệ và có khả năng chuyển giao.

7. Xây dựng chiến lược và chính sách phát triển đội ngũ nhân viên; xác lập các chỉ tiêu phát triển phù hợp với giai đoạn chuyển đổi số và công nghệ 4.0. Hoàn thiện bộ chỉ báo năng lực để đánh giá và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hỗ trợ có tính đến đặc thù từng vị trí công việc và yêu cầu của CTĐT. Xây dựng và ban hành quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng với các tiêu chí đánh giá, ghi nhận kết quả đối với nhân viên.

8. Thường xuyên đánh giá nhu cầu nhân lực của ngành đào tạo và kiện toàn các nhóm truyền thông, tư vấn tuyển sinh; khảo sát ý kiến của tân sinh viên ngay khi nhập học để nắm bắt nhu cầu, định hướng ngành học làm cơ sở điều chỉnh chính sách tuyển sinh và truyền thông. Có giải pháp tăng dần chỉ tiêu tuyển sinh, phân tích sâu các nguyên nhân để đưa ra giải pháp hiệu

M
+
IG
/C

quả giảm tỷ lệ bị cảnh báo học vụ. Tăng cường các hoạt động giáo dục, hỗ trợ khởi nghiệp và việc làm cho sinh viên.

9. Có phương án tăng diện tích làm việc đối với giảng viên; bổ sung học liệu số và tài liệu chuyên ngành cho thư viện; có chính sách khuyến khích giảng viên biên soạn giáo trình, bài giảng điện tử, xuất bản học liệu. Khảo sát ý kiến của giảng viên, sinh viên về cơ sở vật chất và trang thiết bị thực hành để có giải pháp cải tiến; đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án chuyển đổi số; quan tâm các giải pháp an toàn phòng chống cháy nổ, tăng ý thức giảm thiểu chất thải nhựa và bảo vệ môi trường; phát động phong trào thực hiện 5S trong khuôn viên Trường.

10. Sớm cập nhật quy định và có hướng dẫn cụ thể, chi tiết về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT; có kế hoạch cụ thể và quy trình đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên tốt nghiệp theo quy định. Mở rộng khảo sát đánh giá về chất lượng giảng dạy học phần; đánh giá đầy đủ, bài bản hơn về tính tương thích của các nội dung, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá để cải tiến. Rà soát một cách hệ thống, bài bản cơ chế phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở cho việc liên tục cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động.

11. Có các giải pháp giảm tỷ lệ sinh viên thôi học, tăng tỷ lệ nghiên cứu khoa học, tự tạo việc làm. Liên kết, hợp tác hiệu quả, sâu rộng trong và ngoài nước để xây dựng chiến lược, kế hoạch và có giải pháp hiệu quả hội nhập quốc tế trên cơ sở điều chỉnh, phát triển CTĐT và nghiên cứu khoa học đáp ứng các thay đổi. Áp dụng sâu rộng quản trị đại học tiên tiến, quản trị sáng tạo, kết hợp quản trị theo nguyên lý và theo kết quả trong xây dựng, phát triển, thực hiện và quốc tế hóa CTĐT, phát triển đội ngũ nhân lực đáp ứng chuyển đổi số và yêu cầu, sự hài lòng của các bên liên quan.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần nghiên cứu kỹ báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Bồ Đào Nha gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.